

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VINH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 193 /2024/DS-ST
Ngày: 02-12-2024
“V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự”
(giữa NH T và anh H, chị N)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Dương Thị Phụng;
- Bà Đặng Ngọc Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2021/TLST - DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng T**; địa chỉ: 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Chức vụ: Tổng Giám đốc (giấy chứng nhận ĐKDN Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 41, ngày 26/12/2022)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn T- Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Vinh Long (giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 12/5/2023 và Giấy ủy quyền số: 3524/2023/QĐ- PC ngày 25/12/2023 và Quyết định số: 1777/2023/QĐ-QTNNL ngày 05/5/2023); ông Lê Văn T ủy quyền lại cho: Ông **Nguyễn Phú Q** - Chuyên

viên Quản lý nợ của Ngân hàng T (giấy ủy quyền số: 335/2024/UQ - CNVL ngày 26/3/2024); địa chỉ: 35B đường 3/2, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn:

1/ Anh **Trần Thế H**, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Khóm N, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

2/ Chị **Tống Thị Hồng N**, sinh năm 1995; địa chỉ: xã Mỹ C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 26/3/2024 nguyên đơn Ngân hàng T trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Phú Q trình bày:*

Ngày 20/10/2022 Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng Thương Tín) có ký Hợp đồng tín dụng số 202226852723 ngày 20/10/2022 và giấy nhận nợ số LD 2229700436 ngày 24/10/2022 với anh Trần Thế H và chị Tống Thị Hồng N (gọi là các bị đơn) để vay 400.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 12 tháng đầu là 12%/năm, thời điểm bắt đầu tháng thứ 13 kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất cơ sở tương ứng theo kỳ hạn vay được Ngân hàng niêm yết tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,0%/năm và được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất tín dụng, mục đích vay để tiêu dùng, mua sắm trang thiết bị gia đình, hình thức trả: vốn và lãi trả định kỳ ngày 05 hàng tháng. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay các bị đơn có thể chấp tài sản bảo đảm là 01(một) xe ô tô, nhãn hiệu MAZDA, số loại 03,05 chỗ ngồi, màu trắng, số khung RN2BN4AA6KM005010, số máy P520570681, biển kiểm soát 64A-137.68, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 64 006749 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 02/8/2022 cho Trần Thế H đứng tên sở hữu.

Để thực hiện Hợp đồng các bị đơn có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày **05/12/2022**. Để thực hiện Hợp đồng các bị đơn trả cho Ngân hàng được số tiền **166.935.956đ** (trong đó: tiền gốc 106.672.000đ, tiền lãi 60.263.956đ). Trong quá trình thực hiện hợp đồng các bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ **tính đến ngày 25/3/2024** các bị đơn còn phải thanh toán cho Ngân hàng T số tiền 296.627.940đ.

Ngày 24/6/2019 Ngân hàng có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với anh H, căn cứ thu nhập của anh H Ngân hàng đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng số 356481-2795, số hợp đồng 1292765, hạn mức 30.000.000đ. Lãi suất trong hạn 2,6%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất hợp đồng tín dụng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng **anh H** vi phạm nghĩa vụ trả nợ **tính đến ngày 25/3/2024** anh H còn phải thanh toán cho Ngân hàng 37.232.061đ.

Nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc các bị đơn trả 333.860.001đ (**trong đó: tiền gốc 325.109.765đ, tiền lãi trong hạn 3.299.940đ, tiền lãi quá hạn 5.450. 296đ**) và Ngân hàng T yêu cầu tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng hai bên thỏa thuận đến khi các bị đơn trả hết nợ. Trường hợp, các bị đơn không trả nợ đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng các bị đơn vắng mặt không có lý do dù được Tòa án tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do đó, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ các bị đơn không tham gia và không tiến hành hòa giải được với nguyên đơn. Ngày 27/8/2024 Tòa án tiến hành thẩm định tài sản bảo đảm thế chấp là xe ô tô 64A-137.68 nhưng không thực hiện được.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện cho Ngân hàng, ông Q có đơn xin xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện kèm theo bảng kê tính lãi đến ngày xét xử, nguyên đơn yêu cầu **tiền lãi quá hạn** phát sinh **từ ngày 26/3/2024** đến ngày xét xử sơ thẩm (**02/12/2024**) là **37.789.329đ**; tổng cộng là 371.649.330đ (trong đó: Nợ gốc **325.109.765đ**; nợ lãi 46.539.565đ); đề nghị phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ; các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do.

Đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu các **bị đơn trả** 371.649.330đ, các **bị đơn** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết. Xét chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác

định là Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; thời điểm ký hợp đồng các **bị đơn cư** trú tại thành phố Vĩnh Long, Ngân hàng nhiều lần thông báo, làm việc được bằng văn bản để nhắc nhở các bị đơn thực hiện đúng hợp đồng, yêu cầu giải quyết tiền nợ vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

Các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, **Điều 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

[2.1] Về tiền gốc: Căn cứ Giấy nhận nợ, hợp đồng tín dụng được ký giữa Ngân hàng T và các **bị đơn**, gắn liền địa chỉ anh H số nhà Khóm N, Phường C, thành phố V và địa chỉ chị Nhi ấp số 4, xã Mỹ C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, giấy nhận nợ ngày 24/10/2022 thể hiện số tiền vay 400.000.000đ và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 24/6/2019 số tiền 30.000.000đ là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho các **bị đơn** biết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T và các thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng các **bị đơn** vẫn vắng mặt, theo thủ tục tổng đạt các **bị đơn** còn đăng ký thường trú, đang sinh sống tại địa chỉ vào thời điểm ký Hợp đồng, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, các bị đơn luôn vắng mặt không đến Tòa để giải quyết, các **bị đơn** vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng, các chứng cứ nguyên đơn đưa ra để xác định yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, Ngân hàng T yêu cầu các **bị đơn** trả **tiền gốc** 325.109.765đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về tiền lãi: Căn cứ Hợp đồng hai bên có thỏa thuận lãi suất, xét thấy sự thỏa thuận mức lãi của các đương sự không phụ thuộc vào Bộ luật Dân sự mà được điều chỉnh theo Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), hai bên thỏa thuận lãi suất là tự nguyện nên căn cứ các điều 91, 95, 98 và Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu buộc các **bị đơn** trả tiền lãi và tiền lãi phát sinh từ ngày **26/3/2024** đến ngày xét xử sơ thẩm

(02/12/2024) theo mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở chấp nhận, tiền lãi được chấp nhận là 46.539.565đ.

[2.3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Căn cứ Hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp là xe ô tô 64A - 137.68, biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản nhằm để thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên, sự thỏa thuận thế chấp tài sản là tự nguyện. Xét các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp như: Hợp đồng thế chấp tài sản số 202226852723 ngày 20/10/2022; đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm hợp đồng, thông báo việc kê biên và phụ lục số 04 văn bản yêu cầu thông báo về việc thế chấp phương tiện giao thông, cùng ngày 20/10/2022 để chứng minh cho yêu cầu xử lý tài sản thế chấp được thực hiện đúng quy định của pháp luật, đảm bảo điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thế chấp. Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu thẩm định tài sản (xe), căn cứ Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ (xem xét, thẩm định tại chỗ) ngày 27/8/2024 nhưng đến địa phương nơi bị đơn sinh sống nhà đóng cửa, vì vậy việc thẩm định hiện trạng xe không thực hiện được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 292, các điều 295, 298, 299 của Bộ luật Dân sự, nguyên đơn đề nghị phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ các điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tài sản là 500.000đ, quá trình giải quyết nguyên đơn nộp tạm ứng để thực chi xong nên các bị đơn có nghĩa vụ nộp lại để hoàn trả cho nguyên đơn.

[4] Về án phí: Ngân hàng T yêu cầu các **bị đơn** trả 371.649.330đ, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu (05% của giá trị tranh chấp) là 18.582.467đ; hoàn trả cho Ngân hàng T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, **Điều 228, Điều 238** của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng các điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Áp dụng khoản 2 Điều 292, các điều 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320; 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147, các điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T;

Buộc anh Trần Thế H và chị Tổng Thị Hồng N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T (tính đến ngày 02/12/2024) số tiền 371.649.330đ (trong đó: Nợ gốc 325.109.765đ; nợ lãi 46.539.565đ)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (03/12/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 202226852723 ngày 20/10/2022 cùng giấy nhận nợ số LD 2229700436 ngày 24/10/2022; **Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1292765 ngày 24/6/2019** (trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay, theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay, theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay)

Trường hợp, anh Trần Thế H và chị Tổng Thị Hồng N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V phát mãi tài sản thế chấp là 01 (một) xe ô tô biển kiểm soát 64A-137.68 do anh Trần Thế H đứng tên sở hữu để đảm bảo thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 202226852723 ngày 20/10/2022.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1/ Buộc anh Trần Thế H và chị Tống Thị Hồng N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 18.582.000đ (mười tám triệu, năm trăm tám mươi hai ngàn đồng)

2.2/ Ngân hàng T được nhận lại tiền tạm ứng án phí 8.347.000đ (tám triệu, ba trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số N⁰ 0006777 ngày 11/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

3/ Về chi phí tố tụng khác: Buộc anh Trần Thế H và chị Tống Thị Hồng N phải nộp chi phí tố tụng khác (thẩm định tài sản) là 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng;

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự 03;
- THADS TPVL02;
- VKSND TPVL01;
- TAND tỉnh VL02;
- Lưu Hồ sơ vụ án 04.

Nguyễn Thị Loan

1/

2/

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VINH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 50 phút, ngày 13 tháng 6 năm 2022.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tùng Châu, ông Phạm Văn Tư

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 199/2021/TLST-DS ngày 30/12/2021 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” giữa:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín**; địa chỉ: 266 - 268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Chức vụ: Tổng Giám đốc (Giấy chứng nhận ĐKDN Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 39, ngày 26/01/2018, Quyết định số: 6363/2017/QĐ-NS ngày 25/7/2017);

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Cao Hồng Sơn - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 15/3/2021 và Giấy ủy quyền số: 3977/2020/QĐ - PL ngày 28/12/2020 và Quyết định số: 11791/2018/QĐ-NS ngày 08/11/2018); ông Cao Hồng Sơn ủy quyền lại cho: Ông **Nguyễn Phú Quốc** - Chuyên viên Quản lý nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền số: 322A/2021/UQ-CNVL ngày 20/9/2021); địa chỉ: 35B đường 3/2, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

- *Bị đơn:*

1/ Ông **Hà Anh Dũng**, sinh năm: 1961; địa chỉ thường trú: 339C Khóm Tân Vĩnh Thuận, phường Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ sinh sống: 331 khóm Tân Vĩnh Thuận, phường Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

2/ Bà **Nguyễn Thị Lại**, sinh năm: 1968; địa chỉ: Ấp Long Bình, xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: 339C ấp Tân Vĩnh Thuận, phường Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬT, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3, quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, **khoản 3 Điều 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng các điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; Áp dụng khoản 2 Điều 292, các điều 295, 298, 299; 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147, các điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín;

Buộc ông **Hà Anh Dũng và bà Nguyễn Thị Lại** có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (đến xử sơ thẩm 13/6/2022) 45.442.694đ (trong đó: Nợ gốc 44.000.000đ; nợ lãi 1.442.694đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (14/6/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy nhận nợ số LD1825000348 ngày 07/9/2018.

Trường hợp, ông Dũng và bà Lài không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long phát mãi tài sản thế chấp là 01 (một) xe ô tô biển kiểm soát 64C-067.74 do ông Hà Anh Dũng đứng tên sở hữu để đảm bảo thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số LD 1825000348 ngày 07/9/2018.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1/ Buộc ông Hà Anh Dũng và bà Nguyễn Thị Lài phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 2.272.000đ (hai triệu, hai trăm bảy mươi hai ngàn đồng);

2.2/ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín được nhận lại tiền tạm ứng án phí 1.826.000đ (một triệu, tám trăm hai mươi sáu ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số N⁰ 0000903 ngày 15/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

3/ Về chi phí tố tụng khác: Buộc ông Hà Anh Dũng và bà Nguyễn Thị Lài phải nộp chi phí tố tụng khác (thẩm định tài sản) là 800.000đ (tám trăm ngàn đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng;

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 10 phút, ngày 13 tháng 6 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1/

2/

.....

